

Số: 27/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NGÃI

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 58/2026/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1996; địa chỉ thường trú: Tổ dân phố L, Phường T, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ liên hệ: Số A đường N, phường A, thành phố Đà Nẵng.

- Anh Lê Văn C, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ dân phố Liên Hiệp A, Phường T, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Lê Văn C thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

[2] Về con chung: Chị T và anh C có 03 con chung là cháu Lê Nguyễn Kỳ D, sinh ngày 31/8/2020; cháu Lê Nguyễn Thủy T1, sinh ngày 02/7/2022 và cháu Lê Nguyễn Minh T2, sinh ngày 26/11/2023. Chị T và anh C thống nhất thỏa thuận giao cả 03 cháu D, cháu T1, cháu T2 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị T cấp dưỡng nuôi mỗi con với số tiền 1.000.000 đồng/tháng, tổng cộng 3.000.000 đồng/tháng cho 3 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 4/2026.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Lê Văn C đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Lê Văn C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do anh C đại diện đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000889 ngày 09/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Lê Văn C thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Lê Văn C có 03 con chung gồm: Cháu Lê Nguyễn Kỳ D, sinh ngày 31/8/2020; cháu Lê Nguyễn Thủy T1, sinh ngày 02/7/2022 và cháu Lê Nguyễn Minh T2, sinh ngày 26/11/2023. Chị T và anh C thống nhất thỏa thuận giao cả 03 con Lê Nguyễn Kỳ D, Lê Nguyễn Thủy T1 và Lê Nguyễn Minh T2 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị T cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), tổng cộng 3.000.000 đồng/tháng cho 03 con. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2026 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Lê Văn C trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Lê Văn C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do anh C đại diện đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000889 ngày 9/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ngãi;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Dũng